

I. Giới thiệu chung

1. Tác giả.

-Hoài Thanh (1909 – 1982), là nhà phê bình văn học xuất sắc.

-Ông được Nhà nước phong tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn hóa – Nghệ thuật.

2. Tác phẩm

Trích trong Bình luận văn chương.

II. Đọc - hiểu văn bản.

1. Đọc văn bản

2. Nội dung:

a. Nguồn gốc cốt yếu của văn chương.

Lòng thương người, rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài.

b. Văn chương là gì?

-Văn chương là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng.

→ phản ánh cuộc sống.

-Văn chương sáng tạo ra cuộc sống.

→ Mơ ước hướng tới cuộc sống tốt đẹp.

c. Công dụng của văn chương.

- Gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện tình cảm sẵn có...

→ Giúp con người có tình cảm, có lòng vị tha, biết thương thức cái hay, cái đẹp.

III. Tổng kết

1 Nghệ thuật

-Có luận điểm rõ ràng, được luận chứng minh bạch và đầy sức thuyết phục.

-Có cách nêu dẫn chứng đa dạng: khi trước, khi sau, khi hòa với luận điểm, khi là một câu chuyện ngắn.

-Diễn đạt bằng lời văn giản dị, giàu hình ảnh, cảm xúc.

2 Nội dung

-Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là tình cảm, là lòng vị tha. Văn chương là hình ảnh của sự sống muôn hình vạn trạng và sáng tạo ra sự sống, gây những tình cảm không có, luyện những tình cảm sẵn có.

-Đời sống tinh thần của nhân loại nếu thiếu văn chương sẽ rất nghèo.

3. Ý nghĩa

Văn bản thể hiện quan niệm sâu sắc về văn chương

Câu hỏi:

1/Tác giả của văn bản Ý nghĩa văn chương là ?

A. Phạm Văn Đồng

B. Hồ Chí Minh

C. Hoài Thanh

D. Xuân Diệu

2/Dòng nào không phải là nội dung được Hoài Thanh đề cập đến trong bài viết của mình ?

A. Quan niệm của Hoài Thanh về nguồn gốc của văn chương

B. Quan niệm của Hoài Thanh về nhiệm vụ của văn chương

C. Quan niệm của Hoài Thanh về công dụng của văn chương trong lịch sử loài người

D. Quan niệm của Hoài Thanh về các thể loại văn học.

3/Theo Hoài Thanh, nguồn gốc cốt yếu của văn chương là gì?

- A. Cuộc sống lao động của con người.
- B. Tình yêu lao động của con người.
- C. Lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài.
- D. Do lực lượng thần thánh tạo ra.

4/Công dụng nào của văn chương được Hoài Thanh khẳng định trong bài viết của mình?

- A. Văn chương giúp cho người gần người hơn.
- B. Văn chương giúp cho tình cảm và gọi lòng vị tha.
- C. Văn chương là loại hình giải trí của con người.
- D. Văn chương dự báo những điều xảy ra trong tương lai.

5/Văn bản “ý nghĩa văn chương” của Hoài Thanh thuộc dạng nghị luận văn chương nào ?

- A. Bình luận về các vấn đề văn chương nói chung.
- B. Phê bình, bình luận về một hiện tượng văn học cụ thể.
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Cả A, B và C đều sai.

6/Từ “cốt yếu” (trong câu “Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài”) được Hoài Thanh dùng với ý nghĩa nào khi nói về nguồn gốc của văn chương?

- A. Tất cả.
- B. Một phần.
- C. Đa số.
- D. Cái chính, cái quan trọng nhất.

7/Theo em, quan niệm về văn chương sau đây có thể bổ xung cho quan niệm của Hoài Thanh để có một quan niệm đầy đủ về nguồn gốc của văn chương?

- A. Văn chương bắt nguồn từ cuộc sống lao động của con người.
- B. Văn chương bắt nguồn từ thế giới thần bí bên ngoài con người.
- C. Văn chương bắt nguồn từ việc muốn biết trước tương lai của con người.
- D. Văn chương bắt nguồn từ việc muốn tìm hiểu quá khứ của con người.

8/Tại sao Hoài Thanh lại nói: “Văn chương sẽ là hình ảnh của cuộc sống muôn hình vạn trạng”?

- A. Vì cuộc sống trong văn chương chân thật hơn bất kì một loại hình nghệ thuật nào.
- B. Vì nhiệm vụ của văn chương là phải ghi chép lại tất cả những gì ông ta nhìn thấy ngoài cuộc đời.
- C. Vì văn chương có nhiệm vụ phản ánh phong phú và đa dạng của con người và xã hội.
- D. Cả A, B và C đều sai.

9/Vì sao Hoài Thanh lại nói: “Văn chương còn sáng tạo ra sự sống”?

- A. Vì cuộc sống trong văn chương hoàn toàn khác với ngoài đời.
- B. Vì văn chương có thể dựng lên hình ảnh, đưa ra những ý tưởng mà cuộc sống chưa có hoặc cần có để mọi người phấn đấu xây dựng, biến chúng thành sự thật trong tương lai.
- C. Vì cuộc sống được nhà văn tạo ra trong văn chương luôn luôn đẹp hơn ngoài cuộc đời.
- D. Vì văn chương làm cho con người muốn thoát li với cuộc sống.

10/Khái quát ý nghĩa của văn bản bằng một câu

*Lưu ý: Học sinh ôn lại các văn bản đã học ở học kỳ 2 cho phần kiểm tra 1 tiết

Tuần: 26
Tiết: 99

**CHUYỂN ĐỔI CÂU CHỦ
ĐỘNG THÀNH CÂU BỊ
ĐỘNG (TT)**

I. Cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.

1. Tìm hiểu ví dụ.

-Nội dung đều nói về một sự việc.

-Đều là câu bị động.

-Câu a có từ được, câu b không dùng từ được.

2. Bài học: Ghi nhớ (SGK/64)

II. Luyện tập.

Bài tập 1. Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.

a. Ngôi chùa ấy được (một nhà sư vô danh) xây từ thế kỷ XIII.

-Ngôi chùa ấy xây từ thế kỷ XIII.

b. Tất cả cánh cửa chùa được (người ta) làm bằng gỗ lim.

-Tất cả cánh cửa chùa làm bằng gỗ lim.

c. Con ngựa bạch được chàng kỵ sĩ buộc bên gốc đào.

-Con ngựa bạch buộc bên gốc đào.

d. Một lá cờ đại được (người ta) dựng ở giữa sân.

-Một lá cờ đại dựng ở giữa sân.

Bài tập 2. Chuyển đổi mỗi câu chủ động thành hai câu bị động.

a. -Em bị thầy giáo phê bình.

-Em được thầy giáo phê bình.

b. -Ngôi nhà ấy bị người ta phá đi.

-Ngôi nhà ấy được người ta phá đi.

c. -Sự khác biệt giữa thành thị với nông thôn đã bị trào lưu đô thị hoá thu hẹp.

-Sự khác biệt giữa thành thị với nông thôn đã được trào lưu đô thị hoá thu hẹp.

-Dùng được có hàm ý đánh giá tích cực về sự việc được nói đến trong câu.

-Dùng bị có hàm ý đánh giá tiêu cực về sự việc được nói đến trong câu.

Bài tập 3.

Viết đoạn văn

*Câu hỏi:

1/Có mấy cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động?

A. 2 cách

B. 3 cách

C. 4 cách

D. 5 cách

2/Trong các câu sau, câu nào không phải là câu bị động ?

A. Năm nay, nông dân cả nước được một vụ mùa bội thu.

B. Ngôi nhà này được ông tôi xây từ ba mươi năm trước.

C. Sản phẩm này rất được khách hàng ưa chuộng.

D. Lam bị thầy giáo phê bình vì không làm bài tập về nhà.

3/Câu bị động có từ “được” hàm ý đánh giá về sự việc trong câu như thế nào?

A. Tích cực.

B. Tiêu cực.

C. Khen ngợi.

D. Phê bình.

4/Câu chủ động sau có thể chuyển thành câu bị động nào?

Một nhà sư vô danh đã xây ngôi chùa ấy từ thế kỉ XIII

A. Ngôi chùa ấy đã được một nhà sư vô danh xây từ thế kỉ XIII.

B. Ngôi chùa ấy xây từ thế kỉ XIII.

C. Ngôi chùa ấy bị xây từ thế kỉ XIII bởi một nhà sư vô danh.

D. Cả A và B đều đúng.

5/Câu chủ động sau có thể chuyển thành câu bị động nào?

Người ta làm tắt cả cánh cửa chùa bằng gỗ lim

- A. Tắt cả cánh cửa chùa bị người ta làm bằng gỗ lim.
- B. Tắt cả cánh cửa chùa được người ta làm bằng gỗ lim.
- C. Tắt cả cánh cửa chùa làm bằng gỗ lim.
- D. Cả B và C đều đúng

6/Trong những câu sau câu nào không phải là câu chủ động ?

- A. Thầy hiệu trưởng là người đã xây dựng ngôi trường này từ những năm đầu kháng chiến chống Mĩ.
- B. Mái nhà được họ làm bằng cỏ tranh và lá cọ.
- C. Sáng sáng cô gái dắt chú chó đi dạo quanh bờ hồ.
- D. Người ta dựng hàng rào chắn quanh cây cổ thụ đó.

7/Viết đoạn văn ngắn, chủ đề môi trường, có sử dụng hai câu bị động. Gạch chân hai câu bị động đó.

**LUYỆN TẬP
VIẾT ĐOẠN VĂN CHỨNG MINH**

Tuần: 26
Tiết: 100

I. Chuẩn bị ở nhà.

Dàn bài chi tiết đề 8.

a.Mở bài:

- Nêu vấn đề: ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường.
- Bảo vệ thiên nhiên là bảo vệ cuộc sống của con người.

b. Thân bài :

- Định nghĩa thiên nhiên là gì?
- Vai trò của thiên nhiên đối với đời sống con người:
- Chứng minh biểu hiện của sự yêu quý thiên nhiên của con người từ xưa đến nay.
- Những việc làm cụ thể của con người để bảo vệ thiên nhiên.

c. Kết bài :

- Khẳng định sự cần thiết phải bảo vệ thiên nhiên.
- Bản thân em làm gì để bảo vệ thiên nhiên.

II. Thực hành trên lớp.

***Câu hỏi:**

Viết đoạn văn 200 chữ, chứng minh học tập là con đường duy nhất đi đến thành công của con người

ÔN TẬP VĂN NGHỊ LUẬN

Câu 1: Điền vào bảng theo mẫu

STT	Tên bài	Tác giả	Phương pháp lập luận	Đề Tài nghị luận	Luận điểm chính	Nghệ thuật đặc sắc
1	Tinh thần yêu nước của nhân dân ta	Hồ Chí Minh	Chứng minh.	Tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam.	Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta.	-Bố cục chặt chẽ, mạch lạc. -Dẫn chứng toàn diện, chọn lọc, tiêu biểu, sắp xếp theo trình tự thời gian lịch sử, rất khoa học, hợp lý, hình ảnh so sánh đặc sắc.
2	Sự giàu đẹp của tiếng Việt	Đặng Thai Mai	Chứng minh kết hợp giải thích	Sự giàu đẹp của tiếng Việt	Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay.	-Kết hợp những chứng minh với giải thích. -Luận cứ xác đáng, toàn diện, chặt chẽ.
3	Đức tính giản dị của Bác Hồ	Phạm Văn Đồng	Chứng minh kết hợp giải thích và bình luận	Đức tính giản dị của Bác Hồ	Bác giản dị trong mọi phương diện : Bữa cơm, cái nhà, lối sống, cách nói và viết. Sự giản dị ấy đi liền với sự phong phú, rộng lớn về đời sống tinh thần ở Bác.	-Dẫn chứng cụ thể, toàn diện, đầy sức thuyết phục. -Kết hợp chứng minh với giải thích và bình luận. -Lời văn giản dị, giàu cảm xúc.
4	Ý nghĩa văn chương	Hoài Thanh	Giải thích kết hợp bình luận	Văn chương và ý nghĩa của nó đối với con người	-Nguồn gốc của văn chương là ở tình thương người, thương muôn loài, muôn vật. -Văn chương hình dung và sáng tạo ra sự sống, nuôi dưỡng và làm giàu cho tình cảm con người.	-Trình bày vấn đề phức tạp một cách ngắn gọn, giản dị, dễ hiểu. -Lời văn giàu cảm xúc, hình ảnh.

Câu 2: Đặc trưng văn nghị luận.

a. Những yếu tố đặc trưng của mỗi thể loại.

Thể loại	Yếu tố
-Truyện -Ký -Thơ tự sự -Thơ trữ tình -Tuỳ bút -Nghị luận	-Cốt truyện, nhân vật, nhân vật kể chuyện. -Nhân vật, nhân vật kể chuyện. -Cốt truyện, nhân vật, nhân vật kể chuyện, vần, nhịp. -Vần, nhịp. -(nhân vật) nhân vật kể chuyện. -Luận đề, luận điểm, luận cứ.

b. Phương thức chủ yếu ở các thể loại.

- Tự sự : miêu tả, kể.
- Trữ tình : biểu cảm.
- Nghị luận : Lập luận.
- *Tục ngữ là văn bản nghị luận đặc biệt ngắn gọn

TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN GIẢI THÍCH

Tuần: 27
Tiết: 104

I. Mục đích và phương pháp giải thích

1.Trong đời sống , giải thích là làm cho hiểu rõ những điều chưa biết trong mọi lĩnh vực.

Giải thích trong văn nghị luận là làm cho người đọc hiểu rõ các tư tưởng, đạo lí, phẩm chất, quan hệ, cần được giải thích nhằm nâng cao nhận thức, trí tuệ, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm cho con người.

2. Phương pháp

- Đưa ra định nghĩa về từ.
- Nêu biểu hiện của vấn đề cần giải thích.
- Đưa ra cái lợi, cái hại của vấn đề, nguyên nhân, hậu quả của nó.
- Đối chiếu, so sánh với các hiện tượng khác.
- Chỉ nguyên nhân và hậu quả của vấn đề cần giải thích.
- Sắp xếp phải mạch lạc, lớp lang có sự liên kết từng phần, từng đoạn.
- Ngôn ngữ rõ ràng , trong sáng, dễ hiểu, không nên dùng những điều không ai hiểu để giải thích những điều người ta chưa hiểu.

II. Luyện tập.

Văn bản : “Lòng nhân đạo”.

- Vấn đề giải thích : Lòng nhân đạo của con người
- Phương pháp giải thích.
- +Nêu định nghĩa, đặt câu hỏi khiêu gợi giải thích : Thế nào là lòng nhân đạo ?
- +Dẫn chứng từ thực tế cuộc sống.
- +Kết luận nhân đạo là gì ?

SÓNG CHẾT MẶC BAY *Phạm Duy Tồn*

Tuần: 28
Tiết: 105 – 106

I. Giới thiệu chung.

1. Tác giả.

Phạm Duy Tồn (1883 – 1924) .

2. Tác phẩm.

-In đầu tiên trên báo Nam Phong số 18, 1918, sáng tác mở đầu cho khuynh hướng hiện thực.

II. Đọc – hiểu văn bản.

A. Đọc văn bản.

B. Hiểu văn bản

1. Bố cục.

2. Phân tích

a. Cảnh vỡ đê và cảnh trong đình

* Cảnh hộ đê:

-Thời gian : Gần 1 giờ đêm.

- Địa điểm :

+Ngoài đê, rất nguy hiểm.

+Con dân hộ đê.

-Không khí, quang cảnh :

+Dân phu : Vất vả chống chịu với thiên tai.

+Hốt hoảng , nhốn nháo : tiếng trống, tiếng ốc, tiếng người gọi nhau.

+Họ sợ vỡ đê, người dân bất lực.

+Lâm vào tình cảnh nguy khốn -> chạy vào bẩm quan .

+Tình cảnh thảm sầu, kẻ sống người chết.

→Thiên nhiên đang đe dọa cuộc sống người dân trông thật thảm sầu.

*Cảnh trong đình:

+Trong đình, vững chãi, đê vỡ cũng không sao.

+Quan đánh tổ tôm.

+Quan : Nhàn nhã, ung dung chễm chệ ngồi đánh bạc.

+Tĩnh mịch, nghiêm trang, đường bệ.

+Sự đam mê tổ tôm ngày càng tăng -> mặc kệ con dân.

+Quan tức giận , đuổi cổ ra ngoài .

+Quan lại vui sướng vì ù to.

→Tôn nghiêm trật tự, quan uy nghi, đường bệ, nhàn nhã với niềm vui phi nhân tính

---> Cảnh tương phản đã làm nổi bật hiện thực, lên án gay gắt cuộc sống xa hoa hưởng lạc, thái độ mặc bay của những kẻ cầm quyền. Sự thông cảm sâu sắc trước nỗi thống khổ của người dân.

-Cảnh trời mưa mỗi lúc một tăng.

-Mức nước sông mỗi lúc một dâng cao.

-Âm thanh mỗi lúc một âm ỉ.

-Sức người mỗi lúc một đuối.

-Nguy cơ đê vỡ mỗi lúc một đến gần và cuối cùng đã đến.

=> Sự kết hợp hai phép tương phản và tăng cấp có tác dụng vạch trần bản chất phi nhân tính của tên quan phủ trước số phận người dân.

III. Tổng kết.

1. Nghệ thuật.

- Xây dựng tình huống tương phản – tăng cấp và kết thúc bất ngờ, ngôn ngữ đối thoại ngắn gọn, rất sinh động.

- Lựa chọn ngôi kể khách quan.

- Lựa chọn ngôn ngữ kể, tả, khắc họa chân dung nhân vật sinh động.

2. Nội dung.

- Giá trị hiện thực : Phản ánh chân thực sự đối lập giữa cuộc sống của nhân dân và cuộc sống của bọn quan lại.

- Giá trị nhân đạo : Thể hiện lòng thương cảm chân thành trước cuộc sống lầm than cơ cực của người dân trước họa “ do tại trời ách nước”.

3. Ý nghĩa

- Phê phán tố cáo thói bàng quan vô trách nhiệm, vô lương tâm đến mức góp phần gây ra nạn lớn cho nhân dân của viên quan phụ mẫu – đại diện cho nhà cầm quyền thời Pháp thuộc, đồng cảm, xót xa với tình cảnh thê thảm của nhân dân lao động do thiên tai và do thái độ vô trách nhiệm của kẻ cầm quyền gây nên.

Câu hỏi:

1. Truyện Sóng chết mặc bay thuộc truyện :

A. Truyện cổ

B. Truyện trung đại

C. Truyện dài

D. Truyện ngắn hiện đại

2. Tác giả của văn bản trên là ai?

A. Hồ Chí Minh

B. Phạm Duy Tốn

C. Hoài Thanh

D. Đặng Thai Mai

3. Nội dung ý của tác giả trong việc dựng cảnh tương phản trong văn bản.

4. Qua ngôn ngữ trong truyện, em thấy tính cách của các nhân vật đó như thế nào?

Lưu ý: học sinh học bài, làm bài tập trong sách giáo khoa , một số nội dung giảm tải gv sẽ hướng dẫn sau.